

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **61** /KH-UBND

*Tuyên Quang, ngày 13 tháng 02 năm 2026*

### **KẾ HOẠCH**

**Thực hiện Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 15/01/2026 của Chính phủ  
và Kế hoạch số 58-KH/TU ngày 26/12/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy  
thực hiện Kết luận số 115-KL/TW về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác,  
sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế**

Thực hiện Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 15/01/2026 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 115-KL/TW, ngày 16/01/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị khóa XII về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 12/NQ-CP) và Kế hoạch số 58-KH/TU ngày 26/12/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 115-KL/TW về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế (sau đây gọi tắt là Kế hoạch số 58-KH/TU).

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện với các nội dung cụ thể như sau:

## **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

### **1. Mục đích**

- Tổ chức quán triệt và triển khai nghiêm túc, đồng bộ, hiệu quả Kết luận số 115-KL/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 12/NQ-CP của Chính phủ và Kế hoạch số 58-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Cụ thể hóa đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 12/NQ-CP của Chính phủ và Kế hoạch số 58-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thành các nhiệm vụ, kế hoạch triển khai cụ thể, gắn với chức năng, nhiệm vụ của các sở, ban, ngành, UBND cấp xã, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; tạo sự thống nhất cao về nhận thức và hành động đối với vai trò, tầm quan trọng của công tác quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế, nhằm thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bền vững, bảo đảm an sinh xã hội, giữ vững quốc phòng, an ninh và tăng cường hội nhập quốc tế.

- Phân công, xác định rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao về quản lý, khai thác, sử





dụng và phát huy hiệu quả các nguồn lực của nền kinh tế, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững.

## **2. Yêu cầu**

- Việc triển khai thực hiện phải bám sát quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp nêu tại Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 15/01/2026 của Chính phủ; Kế hoạch số 58-KH/TU ngày 26/12/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; bảo đảm nghiêm túc, toàn diện, thống nhất, chặt chẽ, linh hoạt và đồng bộ trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành; phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị và điều kiện thực tế.

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường chủ động xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể; xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm, lộ trình và giải pháp thực hiện trong quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế; gắn với phân công, phân cấp, phân quyền rõ ràng, xác định trách nhiệm của từng tập thể, cá nhân theo nguyên tắc “6 rõ: rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền”.

- Tăng cường phối hợp thường xuyên, kịp thời giữa các cơ quan, đơn vị trong quá trình tổ chức thực hiện; đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc, bảo đảm tiến độ và chất lượng; thực hiện nghiêm chế độ báo cáo định kỳ, sơ kết, tổng kết theo chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh.

## **II. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu tổng quát**

Tập trung nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng đồng bộ, hiệu quả nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; nguồn vật lực (các loại tài nguyên thiên nhiên, hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội được huy động, đầu tư); nguồn tài lực (tài chính công, nguồn lực tiền tệ, hoạt động ngân hàng, tài sản công,...); đồng thời huy động, phát huy hiệu quả các nguồn lực mới nhằm tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng, phát triển bứt phá, hoàn thành mục tiêu, chỉ tiêu đã được đề ra tại Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030. Qua đó, thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội nhanh và bền vững, nâng cao đời sống Nhân dân, đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn.

### **2. Mục tiêu cụ thể**

#### **2.1. Đối với nguồn nhân lực**

**2.1.1. Đến năm 2030:** Tỷ trọng lao động làm việc trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp đạt 43-45% tổng số lao động toàn tỉnh. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 72%, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt từ 30% trở



lên; năng suất lao động đạt 213 triệu đồng/lao động; Chỉ số phát triển con người (HDI) đạt 0,72; tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh đạt khoảng 75,5 tuổi; thời gian sống khỏe đạt tối thiểu 68 năm.

*2.1.2. Đến năm 2035:* Tỷ trọng lao động làm việc trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp đạt 40-43% tổng số lao động toàn tỉnh. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35%. Chỉ số phát triển con người (HDI) đạt mức 0,743.

*2.1.3. Đến năm 2045:* Tỷ trọng lao động làm việc trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp 40% tổng số lao động toàn tỉnh. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 40%. Chỉ số phát triển con người (HDI) đạt mức 0,795.

## **2.2. Đối với nguồn vật lực**

### *2.2.1. Đến năm 2030*

- Hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính chính quy, hiện đại trên địa bàn toàn tỉnh. Hình thành một số khu khai thác, chế biến khoáng sản tập trung, có giá trị gia tăng cao, bảo vệ môi trường, bảo đảm an ninh quốc phòng. Xây dựng mạng lưới trạm quan trắc môi trường tự động; hoàn thành đánh giá, thăm dò tiềm năng nước mặt, nước ngầm trên địa bàn tỉnh, xây dựng cơ sở dữ liệu tiếp nhận quan trắc tự động để quản lý việc khai thác tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh. Duy trì tỷ lệ che phủ rừng ở mức 62,2%.

- Huy động, lồng ghép và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư, nâng cao chất lượng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, tập trung vốn ngân sách đầu tư phát triển mạng lưới kết cấu hạ tầng giao thông, các tuyến đường, các công trình dự án trọng điểm kết nối liên vùng, có tính cấp bách, đột phá và có sức lan tỏa. Phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị; thực hiện lộ trình phân loại, xem xét các xã, phường (sau sáp nhập) đạt các tiêu chí để trở thành đô thị mới đạt tiêu chuẩn theo quy định. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt 75.000 tỷ đồng; tỷ trọng kinh tế số đạt tối thiểu 20% trong GRDP. Phân đầu đến năm 2030, tổng thu từ khách du lịch đạt 16.300 tỷ đồng; đóng góp từ du lịch vào GRDP của tỉnh trên 10%.

### *2.2.2. Đến năm 2035*

- Hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai theo mô hình tập trung, thống nhất, phục vụ đa mục tiêu. Triển khai lập kế hoạch chủ động ngăn ngừa, hạn chế tình trạng ô nhiễm, cạn kiệt, suy thoái các nguồn nước mặt, nước ngầm trên địa bàn tỉnh. Hoàn thành việc điều tra, đánh giá hoạt động khai thác tài nguyên nước, khoáng sản phục vụ công tác quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật. Duy trì tỷ lệ che phủ rừng ở mức 62,2%.

- Đầu tư nâng cấp hệ thống cơ sở vật chất và hạ tầng kinh tế - xã hội tương đối đồng bộ, hiện đại, kết nối thuận lợi đến các địa bàn trong toàn tỉnh và khu vực Trung du và miền núi Bắc Bộ. Tập trung đẩy mạnh đầu tư đồng bộ các công trình,



dự án hạ tầng đô thị. Phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng đô thị và mở rộng không gian đô thị theo quy hoạch được duyệt.

### **2.2.3. Đến năm 2045**

- Chủ động ngăn ngừa, hạn chế tình trạng suy thoái tài nguyên, ô nhiễm môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu. Bảo tồn và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên. Duy trì tỷ lệ che phủ rừng ở mức 62,2%.

- Hoàn thiện cơ sở vật chất và kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, kết nối thông suốt với khu vực Trung du và miền núi Bắc Bộ. Các đô thị đã được công nhận tiếp tục đầu tư hoàn thành tiêu chuẩn của các tiêu chí phân loại đô thị.

## **2.3. Đối với nguồn tài lực**

**2.3.1. Đến năm 2030:** Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đảm bảo 38,2% chi cân đối ngân sách địa phương. Thu nội địa chiếm trên 90,0% tổng thu, trong đó thu từ khu vực ngoài quốc doanh chiếm khoảng 36,0% thu nội địa. Tỷ trọng chi đầu tư phát triển chiếm khoảng 13,0% tổng chi ngân sách địa phương. Hoàn thành việc sắp xếp lại, xử lý nhà đất thuộc sở hữu nhà nước; hoàn thành di dời theo quy hoạch đã được phê duyệt. Bảo đảm cân đối nguồn vốn; mở rộng quy mô đầu tư tín dụng gấp 1,5-2 lần so với năm 2025; tỷ lệ nợ xấu duy trì ở mức dưới 3%/tổng đầu tư tín dụng.

**2.3.2. Đến năm 2035:** Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đảm bảo trên 50,0% chi cân đối ngân sách địa phương. Tỷ trọng chi đầu tư phát triển chiếm khoảng 14,0% tổng chi ngân sách địa phương. Bảo đảm cân đối nguồn vốn; mở rộng quy mô đầu tư tín dụng gấp 1,5-2 lần so với năm 2030; tỷ lệ nợ xấu duy trì ở mức dưới 3%/tổng đầu tư tín dụng.

**2.3.3. Đến năm 2045:** Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đảm bảo trên 90% chi cân đối ngân sách địa phương; thu từ đất đai và khai thác tài sản công chiếm khoảng 10,0% tổng thu nội địa. Tỷ trọng chi đầu tư phát triển chiếm khoảng 14,5% tổng chi ngân sách địa phương. Mở rộng quy mô đầu tư tín dụng gấp 2,5-3 lần so với năm 2035; tỷ lệ nợ xấu duy trì ở mức dưới 3%/tổng đầu tư tín dụng.

## **2.4. Đối với các nguồn lực quan trọng khác**

**2.4.1. Đến 2030:** xếp hạng chỉ số đổi mới sáng tạo cấp tỉnh (PII) đứng thứ 20/34 tỉnh, thành phố trong cả nước; đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế đạt trên 40%; quy mô kinh tế số trong GRDP đạt 24%.

**2.4.2. Đến 2035:** xếp hạng chỉ số đổi mới sáng tạo cấp tỉnh (PII) đứng thứ 17/34 tỉnh, thành phố trong cả nước; đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp



(TFP) vào tăng trưởng kinh tế đạt trên 40%; quy mô kinh tế số trong GRDP đạt 32%.

2.4.3. Đến 2045: xếp hạng chỉ số đổi mới sáng tạo cấp tỉnh (PII) thuộc nhóm 15 tỉnh/thành phố đứng đầu cả nước; đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế đạt trên 45%; quy mô kinh tế số trong GRDP đạt 40%”.

### III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

#### 1. Các nhiệm vụ, giải pháp chung

*Các sở, ngành, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực và địa bàn phụ trách tập trung triển khai các nhiệm vụ sau:*

1.1. Tiếp tục triển khai nghiêm túc, hiệu quả các nghị quyết, kế hoạch của Trung ương, Chính phủ và Tỉnh ủy về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế; bảo đảm thực hiện đầy đủ quan điểm, mục tiêu, định hướng phát triển, góp phần hoàn thành các mục tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh và các nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy đề ra.

1.2. Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách quản lý, sử dụng nguồn lực kinh tế của tỉnh phù hợp chủ trương của Trung ương, gắn với phát triển nhanh, xanh, bền vững và kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; đẩy mạnh cải cách hành chính, phân cấp, phân quyền gắn với chuyển từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm”, tạo môi trường thuận lợi cho sản xuất, kinh doanh.

1.3. Tiếp tục thực hiện tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; bảo đảm hoạt động thông suốt của chính quyền địa phương hai cấp sau sắp xếp đơn vị hành chính; đề cao trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền và người đứng đầu trong quản lý, sử dụng các nguồn lực.

1.4. Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực trên cơ sở tăng cường năng lực phân tích, dự báo; sử dụng quy hoạch làm công cụ chủ yếu để huy động, phân bổ nguồn lực hiệu quả theo tín hiệu thị trường; chủ động rà soát, điều chỉnh Quy hoạch tỉnh và các quy hoạch ngành, lĩnh vực sau hợp nhất; quản lý, sử dụng tiết kiệm, minh bạch, hiệu quả nguồn lực đất đai.

1.5. Huy động đa dạng các nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ; ưu tiên vốn ngân sách cho các dự án, công trình trọng điểm, nhất là hạ tầng giao thông kết nối, liên kết vùng, phát triển đô thị và các dự án khó thu hút xã hội hóa; tập trung xử lý dứt điểm tình trạng quy hoạch treo, dự án chậm tiến độ, đất



công sử dụng kém hiệu quả, tài sản tồn đọng gây lãng phí nguồn lực.

1.6. Tổ chức kiểm kê, đánh giá, cập nhật đầy đủ các nguồn lực kinh tế; xây dựng cơ sở dữ liệu số hóa, liên thông về các nguồn lực vật chất và phi vật chất, làm cơ sở phục vụ công tác hoạch định chiến lược, chính sách.

1.7. Chủ động tận dụng cơ hội của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; xác định rõ nhiệm vụ, giải pháp cho từng ngành, lĩnh vực, địa bàn; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, tăng cường chia sẻ, phân phối và tái sử dụng hiệu quả các nguồn lực nhằm nâng cao giá trị và hiệu quả sử dụng nguồn lực của nền kinh tế.

## **2. Hiện đại hóa và nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng các nguồn lực truyền thống**

### **2.1. Đối với nguồn nhân lực**

2.1.1. *Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường:*

Tổ chức triển khai hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp theo Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

Thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo hướng hiện đại, thực chất; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng mở, liên thông, công bằng; thúc đẩy xã hội học tập, học tập suốt đời. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục, đào tạo; tạo môi trường nghiên cứu khoa học trong các trường học phổ thông; xây dựng trường học số, thông minh.

Chuẩn hóa đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý; đầu tư cơ sở vật chất; sắp xếp, mở rộng hợp lý mạng lưới cơ sở giáo dục; phát triển giáo dục STEM, đào tạo mở và trực tuyến; nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ, từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học.

Rà soát, đổi mới công tác tuyển sinh, kiểm tra, đánh giá theo hướng thực chất, khách quan; khắc phục bệnh thành tích. Tập trung triển khai các chương trình đào tạo trọng điểm, nâng cao chất lượng giáo dục đại học, cao đẳng; phát triển mạnh giáo dục nghề nghiệp; chú trọng đào tạo đội ngũ doanh nhân, nhân lực y tế và quản lý nhà nước.

Tham mưu ban hành, hoàn thiện cơ chế, chính sách phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng, đãi ngộ và trọng dụng nhân tài; khuyến khích học sinh, sinh viên theo học các ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật, công nghệ then chốt; thu hút nguồn lực xã hội và doanh nghiệp tham gia đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; thúc đẩy



hợp tác giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp; đa dạng hóa các hình thức kết nối cung - cầu lao động.

Đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng phát triển kỹ năng nghề, đào tạo theo địa chỉ và nhu cầu của doanh nghiệp; ưu tiên phát triển nguồn nhân lực cho các ngành, lĩnh vực mũi nhọn của tỉnh như du lịch, nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến, công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo.

*2.1.2. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường:*

Nghiên cứu, triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách phát triển nguồn nhân lực; chính sách tuyển dụng, đãi ngộ, hỗ trợ về tài chính, điều kiện làm việc, nhà ở, sinh hoạt nhằm thu hút, sử dụng và giữ chân nhân lực chất lượng cao. Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng theo nhóm đối tượng; nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý và kỹ năng chuyên môn; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, tinh thần trách nhiệm cao, tư duy đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm; tạo động lực và cơ hội thăng tiến để cán bộ, công chức yên tâm công tác, cống hiến vì lợi ích chung.

Tiếp tục thực hiện hiệu quả các chính sách hỗ trợ giải quyết việc làm; tạo điều kiện cho người lao động, nhất là lao động nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số có việc làm bền vững; hỗ trợ người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng; nâng cao chất lượng công tác tư vấn, giới thiệu việc làm, tuyển chọn và cung ứng lao động cho doanh nghiệp.

Chỉ đạo Trung tâm Dịch vụ việc làm tổ chức thường xuyên, định kỳ các hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm; phối hợp tuyển chọn, cung ứng lao động cho các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh; nâng cao chất lượng, hiệu quả các hội nghị, sàn giao dịch việc làm tại địa phương, tạo điều kiện để người lao động tiếp cận việc làm phù hợp với trình độ, kỹ năng.

Xây dựng hệ thống thông tin thị trường lao động trên địa bàn tỉnh; căn cứ tình hình thực tế địa phương, đơn vị tiếp tục đề xuất đầu tư, hoàn thiện sàn giao dịch việc làm do Trung tâm Dịch vụ việc làm và Lưu trữ lịch sử tỉnh quản lý theo hướng hiện đại, ứng dụng công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo đảm bảo kết nối với Sàn giao dịch việc làm quốc gia (<http://www.vieclam.gov.vn>) do Bộ Nội vụ triển khai; thực hiện thu thập, tổng hợp, phân tích, dự báo thông tin thị trường lao động theo quy định; cung cấp kịp thời thông tin về nhu cầu tuyển dụng việc làm của doanh nghiệp, tư vấn cho người lao động kỹ năng tham gia dự tuyển; về tự tạo việc làm, tìm việc làm trong nước, ngoài nước; giới thiệu việc làm để người lao động gia nhập vào thị trường lao động thành công.

*2.1.3. Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các*



*xã, phường:*

Tổ chức triển khai hiệu quả Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, lấy sự hài lòng của người dân làm thước đo ở tất cả các tuyến y tế.

Kiến toàn tổ chức bộ máy và quản lý nhân lực y tế sau sáp nhập theo hướng tinh gọn, hiệu quả; bố trí đủ nhân lực y tế, phân đầu mỗi trạm y tế có từ 02 bác sĩ trở lên; người dân được khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí ít nhất mỗi năm một lần; đẩy mạnh hợp tác với các bệnh viện tuyến Trung ương trong chuyển giao kỹ thuật, đào tạo và nâng cao năng lực chuyên môn.

Thực hiện hiệu quả các chính sách về dân số và phát triển; nâng cao chất lượng dân số về tầm vóc, thể lực, tuổi thọ và sức khỏe tinh thần; chủ động thích ứng với già hóa dân số; chuyển trọng tâm từ kế hoạch hóa gia đình sang dân số và phát triển; triển khai các giải pháp duy trì mức sinh thay thế bền vững.

Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế; mở rộng cung cấp dịch vụ y tế, dịch vụ xã hội trên nền tảng số.

*2.1.4. Công an tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường:*

Kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư; tiếp tục phát triển, khai thác và mở rộng ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia theo Đề án 06, bảo đảm đồng bộ, chính xác, an toàn, bảo mật thông tin; góp phần đơn giản hóa thủ tục hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng cung cấp dịch vụ công.

Triển khai hiệu quả công tác hỗ trợ xác thực danh tính công dân trong cung cấp dịch vụ công, dịch vụ số trên các lĩnh vực dân số, y tế, giáo dục, an sinh xã hội thông qua ứng dụng VNeID và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, thúc đẩy chuyển đổi số, nâng cao mức độ phục vụ người dân trên địa bàn tỉnh.

Phối hợp chặt chẽ với Sở Y tế, Sở Nội vụ và UBND cấp xã trong quản lý, theo dõi, giám sát biến động dân số (sinh, tử, hôn nhân, di cư, cư trú) thông qua Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; kịp thời nắm bắt tình hình, nâng cao chất lượng dữ liệu dân số; phục vụ hiệu quả công tác quy hoạch, bảo đảm an ninh, trật tự và xây dựng, hoàn thiện chính sách dân số, góp phần hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

*2.1.5. Sở Ngoại vụ chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân*



*các xã, phường:*

Thông kê, tổng hợp số liệu về người Việt Nam ở nước ngoài có nguồn gốc địa phương; quản lý, cung cấp, cập nhật kịp thời, đầy đủ, chính xác dữ liệu về người Việt Nam ở nước ngoài có nguồn gốc địa phương vào Cơ sở dữ liệu về người Việt Nam ở nước ngoài do Bộ Ngoại giao quản lý, bảo đảm thống nhất, đồng bộ phục vụ công tác quản lý nhà nước và xây dựng chính sách liên quan.

## **2.2. Đối với nguồn vật lực**

*2.2.1. Nguồn lực tài nguyên thiên nhiên: Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường:*

Rà soát, cập nhật, tổ chức thực hiện và kịp thời sửa đổi, bổ sung, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của tỉnh về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước gắn với tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu địa chất, khoáng sản; rà soát, hoàn thiện chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, bảo đảm phù hợp điều kiện phát triển của tỉnh.

Tham mưu phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất để thực hiện các dự án đầu tư theo Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; hoàn thiện cơ sở dữ liệu địa chính toàn tỉnh; rà soát, điều chỉnh giá đất phù hợp biến động thị trường; phát huy vai trò Trung tâm Phát triển quỹ đất trong bồi thường, giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất sạch; kiên quyết xử lý đất chậm đưa vào sử dụng, sử dụng sai mục đích, đầu cơ đất; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính về đất đai.

Tổ chức thực hiện nghiêm Luật Địa chất và Khoáng sản; đẩy mạnh đấu giá quyền khai thác khoáng sản, cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản, nhất là khoáng sản làm vật liệu xây dựng phục vụ các dự án đầu tư công trọng điểm; tháo gỡ vướng mắc các dự án khoáng sản lớn; loại bỏ công nghệ lạc hậu, khuyến khích áp dụng công nghệ hiện đại, xanh, thân thiện môi trường; tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm khai thác khoáng sản trái phép, thất thoát, lãng phí tài nguyên.

Hoàn thành đánh giá tiềm năng tài nguyên nước; khoanh vùng khai thác hợp lý, bảo vệ bền vững nguồn nước mặt và nước dưới đất; cấp phép thăm dò, khai thác, khoanh định hành lang bảo vệ nguồn nước; đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải; ứng dụng công nghệ mới, chuyển đổi số trong quản lý, vận hành đập, hồ chứa; phát triển hạ tầng thủy lợi đa mục tiêu, bảo đảm an ninh nguồn nước gắn với phòng, chống thiên tai.

Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng gắn với nâng cao sinh kế, thu nhập cho người dân; triển khai thực hiện kế hoạch trồng rừng hàng



năm; đẩy mạnh xã hội hóa công tác lâm nghiệp; thúc đẩy việc tham gia thị trường tín chỉ các bon rừng theo quy định; tập trung xây dựng khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao, từng bước hình thành trung tâm sản xuất, chế biến gỗ quy mô vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

### *2.2.2. Nguồn lực cơ sở vật chất và hạ tầng kinh tế - xã hội*

*a) Các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường theo chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực và địa bàn phụ trách:*

Tập trung đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại; tổ chức triển khai hiệu quả Kế hoạch số 135/KH-UBND ngày 08/12/2025 của UBND tỉnh thực hiện Kế hoạch số 19-KH/TU ngày 25/10/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kết luận số 72-KL/TW ngày 23/02/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

*b) Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường:*

Tham mưu hoàn thiện mạng lưới hạ tầng giao thông của tỉnh theo hướng đồng bộ, từng bước hiện đại; bảo đảm kết nối nội tỉnh, liên vùng, an toàn, thông suốt; đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường và bảo đảm quốc phòng - an ninh. Huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư; ưu tiên vốn ngân sách cho các công trình, dự án trọng điểm, trục giao thông kết nối, liên kết vùng, phát triển đô thị và các dự án khó thu hút đầu tư xã hội.

Tập trung đầu tư các công trình hạ tầng giao thông chiến lược, gồm: Tuyến cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang đến Cửa khẩu Quốc tế Thanh Thủy; tuyến cao tốc CT.12 theo quy hoạch tỉnh; cải tạo, nâng cấp các tuyến quốc lộ, đường tỉnh và hệ thống giao thông nông thôn. Phối hợp với các bộ, ngành Trung ương đề xuất ưu tiên đầu tư các dự án có tính chiến lược, dài hạn như các tuyến đường bộ kết nối liên vùng, tuyến đường sắt Thái Nguyên - Tuyên Quang - Lào Cai; sân bay tại vị trí phù hợp quy hoạch; hệ thống cảng, bến thủy nội địa nhằm tăng cường kết nối liên vùng, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Tham mưu các giải pháp phát triển hạ tầng giao thông và đô thị theo hướng thông minh, xanh, bền vững; tích hợp công nghệ trong quản lý, điều hành giao thông; ưu tiên phát triển giao thông công cộng hiện đại, an toàn, thân thiện môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Tổ chức triển khai hiệu quả Chương trình phát triển đô thị Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; phấn đấu đến năm 2030 tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 35%, 100% dân cư đô thị được



sử dụng nước sạch.

Tham mưu các giải pháp phát triển hệ thống đô thị đồng bộ, phù hợp tiềm năng, lợi thế từng đô thị; sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả; mở rộng ranh giới các đô thị chưa đạt tiêu chuẩn diện tích; thúc đẩy quá trình đô thị hóa nhanh, hiệu quả, chất lượng cao và bền vững; triển khai hiệu quả Đề án “*Đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021-2030*”.

Thực hiện tốt công tác quản lý, bảo trì thường xuyên các tuyến quốc lộ, đường tỉnh; huy động nguồn lực sửa chữa, cải tạo, nâng cấp các tuyến đường theo quy hoạch; hướng dẫn địa phương quản lý, bảo dưỡng hệ thống giao thông liên xã; chủ động khắc phục, xử lý kịp thời hậu quả thiên tai, bão lũ.

Đề xuất các giải pháp kêu gọi, thu hút đầu tư phát triển hạ tầng đường thủy theo hướng trọng tâm, trọng điểm; ưu tiên đầu tư các bến, cảng có tiềm năng phát triển du lịch lòng hồ, nuôi trồng thủy sản; tăng cường kết nối liên thông giữa đường thủy và đường bộ.

*c) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường:*

Hoàn thành việc lập, trình phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả đầu tư công, phát huy vai trò dẫn dắt, kích hoạt đầu tư tư nhân. Tham mưu điều hành linh hoạt, hiệu quả kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, giai đoạn 2026 - 2030 theo hướng trọng tâm, trọng điểm, tập trung, không dàn trải, bám sát khả năng cân đối nguồn vốn, tạo sức lan tỏa và động lực phát triển giữa các vùng, địa phương.

Theo dõi chặt chẽ tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công của từng dự án; kịp thời tham mưu điều chỉnh, điều chuyển kế hoạch vốn từ các dự án giải ngân chậm hoặc không còn nhu cầu sang các dự án có khả năng giải ngân tốt, đã có khối lượng hoàn thành, nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện và thanh toán vốn đầu tư. Tham mưu phân cấp quản lý đầu tư công gắn với tăng cường kỷ luật, kỷ cương, đề cao trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, địa phương và người đứng đầu, bảo đảm quản lý thống nhất, hiệu quả.

Tham mưu xây dựng và triển khai hiệu quả Nghị quyết về thu hút đầu tư giai đoạn 2026-2030; ưu tiên bố trí vốn ngân sách nhà nước, đồng thời huy động hiệu quả các nguồn lực xã hội, thúc đẩy đầu tư theo hình thức đối tác công - tư (PPP) đối với các công trình, dự án trọng điểm, có tính lan tỏa, tạo động lực phát triển và kết nối vùng.

Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư, tập trung thu hút nhà đầu tư vào các



lĩnh vực ưu tiên của tỉnh như nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp chế biến sâu, du lịch, phát triển đô thị; bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch, hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, nhà đầu tư và xã hội.

Chủ động giới thiệu các địa điểm đầu tư thuộc danh mục thu hút đầu tư của tỉnh; hướng dẫn, hỗ trợ nhà đầu tư trong việc tiếp cận thông tin, hoàn thiện hồ sơ, thực hiện trình tự, thủ tục đầu tư theo quy định; tạo môi trường đầu tư thông thoáng, thuận lợi để nhà đầu tư triển khai và hoàn thành các dự án ngoài ngân sách. Tăng cường phối hợp hỗ trợ nhà đầu tư, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các thủ tục đầu tư, công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, nhất là đối với các dự án trọng điểm, dự án chậm tiến độ, tồn đọng, ách tắc.

Tăng cường công tác kiểm tra, rà soát, định kỳ báo cáo và đề xuất biện pháp xử lý đối với các dự án chậm tiến độ, vi phạm quy định theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, Nghị quyết số 79-NQ/TW, ngày 6/1/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước. Tham mưu thực hiện đồng bộ các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; tăng cường đối thoại, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp. Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước theo hướng minh bạch, hiệu quả, bền vững, tương xứng với nguồn lực nắm giữ; hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, kinh tế tập thể, hợp tác xã; thúc đẩy khởi nghiệp, phát triển khu vực kinh tế tư nhân, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm.

*d) Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường:*

Tổ chức triển khai hiệu quả Quy hoạch điện VIII điều chỉnh, Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII điều chỉnh và phương án phát triển mạng lưới cấp điện trong điều chỉnh Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; bảo đảm cung cấp điện an toàn, tin cậy, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao đời sống Nhân dân. Bảo đảm tiến độ các dự án nguồn điện đã được phê duyệt; nghiên cứu, phát triển các dự án điện tiềm năng, điện thay thế (điện sinh khối, điện mặt trời...) phù hợp hiệu quả kinh tế - kỹ thuật, môi trường, khả năng truyền tải và nhu cầu thực tế. Chủ động tháo gỡ khó khăn, đẩy nhanh tiến độ các dự án năng lượng, nhất là các dự án thủy điện đang triển khai; kiên quyết xử lý các trường hợp chậm hoặc không triển khai theo quy định.

Đầu tư, cải tạo, nâng cấp hệ thống lưới điện, nhất là lưới điện nông thôn; triển khai các giải pháp phát triển lưới điện thông minh; tổ chức thực hiện Chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả giai đoạn 2026 - 2030, tập trung vào



các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm và chiếu sáng công cộng; tham mưu điều chỉnh phương án phát triển năng lượng trong Quy hoạch tỉnh sau sáp nhập, bảo đảm nguồn điện xanh, sạch, an toàn, tiết kiệm.

Rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động các cụm công nghiệp; ưu tiên hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật; tháo gỡ vướng mắc về mặt bằng và thủ tục đầu tư; tích hợp, điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp phù hợp với Quy hoạch tỉnh. Tham mưu giải pháp thu hút đầu tư có chọn lọc vào các ngành công nghiệp chủ lực của địa phương như chế biến nông, lâm sản, thực phẩm, dược liệu, khai thác và chế biến khoáng sản, công nghiệp sử dụng nhiều lao động, thủ công nghiệp; từng bước di dời các cơ sở sản xuất, chế biến nhỏ lẻ vào khu, cụm công nghiệp. Ưu tiên thu hút các dự án xanh, thân thiện môi trường, đề cao trách nhiệm xã hội; tăng cường đôn đốc các chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật triển khai đúng tiến độ tại các cụm công nghiệp đã được thành lập<sup>1</sup>; kịp thời tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư trong quá trình triển khai dự án.

*đ) Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu kinh tế chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường:*

Tập trung huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp, khu kinh tế và khu vực cửa khẩu, bảo đảm hiệu quả kinh tế gắn với giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Đẩy mạnh xúc tiến, kêu gọi và thu hút các dự án đầu tư vào khu công nghiệp, khu kinh tế; phát triển mô hình kinh tế tổng hợp, đa ngành, đa lĩnh vực, có khả năng liên kết vùng. Tăng cường gắn kết các khu công nghiệp, khu kinh tế với các địa phương trên hành lang kinh tế Tuyên Quang - Hà Nội.

*e) Các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường:*

Tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và Chỉ số xanh (PGI). Đẩy mạnh cải cách hành chính, thường xuyên rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính không còn phù hợp. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data) trong hoạt động quản lý nhà nước; đổi mới phương thức cung cấp dịch vụ công theo hướng trực tuyến, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm. Công khai, cập nhật đầy đủ, kịp thời thông tin về thủ tục hành chính, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch ngành, quy hoạch xây dựng, ngân sách, đấu thầu, ... nhằm tạo điều kiện thuận lợi để nhà đầu tư và cộng đồng doanh nghiệp tiếp cận, tìm hiểu cơ hội đầu tư, kinh doanh.

Thúc đẩy phát triển sản xuất, kinh doanh theo hướng tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; cải tiến quy trình sản xuất nhằm nâng cao

<sup>1</sup> Như: Ninh Lai- Thiện Kế, An Hòa- Long Bình An, Xuân Vân, Phúc Ứng 2, Nam Quang, Tân Bắc,...



giá trị gia tăng, sức cạnh tranh của sản phẩm; phát triển các ngành, lĩnh vực có lợi thế, khai thác hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của từng địa phương.

Chủ động thu hút đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; khuyến khích đầu tư phù hợp với định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế, gắn với phát huy lợi thế của địa phương, tạo sức hấp dẫn đối với các nhà đầu tư.

Quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư công; chủ động rà soát, điều chỉnh kế hoạch vốn được phân cấp quản lý; kịp thời báo cáo, đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn, xử lý các dự án chậm tiến độ, bảo đảm hiệu quả đầu tư.

Tham mưu ban hành các định mức kinh tế - kỹ thuật làm cơ sở xác định giá dịch vụ công theo lộ trình đối với từng ngành, lĩnh vực phụ trách; tăng cường công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập và ngoài công lập; nâng cao chất lượng và hiệu quả cung ứng dịch vụ công theo phân cấp.

### **2.3. Đối với nguồn tài lực**

*2.3.1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường:*

Thực hiện nghiêm túc Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Luật quản lý, sử dụng tài sản công; tăng cường kỷ luật tài chính - ngân sách ở các cấp, các ngành. Tập trung giải pháp tăng thu, mở rộng cơ sở thu; phấn đấu thu ngân sách nhà nước năm sau cao hơn năm trước đạt tối thiểu từ 5% trở lên để đảm bảo nguồn lực phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Tập trung tháo gỡ khó khăn cho dự án sản xuất, kinh doanh và các khu đô thị để sớm đưa vào khai thác, tạo nguồn thu ngân sách.

Tùng bước cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước, nâng cao hiệu quả quản lý, phân bổ, sử dụng ngân sách nhà nước tiết kiệm, chống lãng phí. Đổi mới quản lý chi thường xuyên, giảm tỷ trọng chi thường xuyên, tăng chi cho đầu tư phát triển, ưu tiên dành nguồn lực thực hiện các chính sách an sinh xã hội, đảm bảo các nhiệm vụ về chính trị, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, các nhiệm vụ quan trọng.

Đẩy mạnh phân cấp thẩm quyền cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, các địa phương trong lĩnh vực mua sắm, cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, thanh lý, điều chuyển, bán tài sản công, để tăng tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm, tăng cường thực hiện công tác giám sát và hậu kiểm. Thực hiện việc giao, đầu tư, mua sắm, khoán kinh phí sử dụng xe ô tô, theo tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định đảm bảo đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả. Thực hiện phân cấp, phân quyền trong quản lý tài sản công các cấp; tham mưu ban hành kịp thời tiêu chuẩn, định mức, quy chuẩn về quản lý, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài sản công. Tập trung hoàn thành công tác tổng kiểm kê tài sản công, có phương án sắp xếp, quản lý, sử dụng



tài sản công hiệu quả.

*2.3.2. Thuế tỉnh Tuyên Quang chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường:*

Tổ chức thực hiện hiệu quả công tác quản lý thu nội địa ngân sách nhà nước trên địa bàn. Chủ động theo dõi, tăng cường phân tích, rà soát, dự báo nguồn thu; đẩy mạnh quản lý thu đối với các lĩnh vực kinh doanh có rủi ro cao, nhất là lĩnh vực bán lẻ, thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số; hiện đại hóa công tác quản lý thuế; tổ chức thực hiện nghiêm các quy định về hóa đơn điện tử, quản lý thuế điện tử. Triển khai đồng bộ các giải pháp thu đúng, thu đủ, thu kịp thời mọi khoản thu vào ngân sách nhà nước; mở rộng cơ sở thu, khai thác hiệu quả các nguồn thu còn dư địa.

Tiếp nhận, giải quyết kịp thời các hồ sơ đề nghị hoàn thuế của người nộp thuế bảo đảm đúng đối tượng, đúng quy trình. Tăng cường kiểm soát rủi ro, phòng ngừa gian lận trong hoàn thuế.

Tham mưu, đề xuất sửa đổi, bổ sung các chính sách thuế không còn phù hợp với thực tiễn; tổ chức thực hiện kịp thời, đầy đủ các chính sách miễn, giảm, gia hạn thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất theo quy định.

Triển khai đồng bộ các biện pháp chống thất thu, chống chuyển giá, gian lận thương mại; mở rộng triển khai hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền, nâng cao hiệu quả từ kiểm tra người nộp thuế, quyết liệt thu hồi nợ thuế, tăng cường phối hợp liên ngành chia sẻ thông tin và ứng dụng công nghệ thông tin nhằm đảm bảo thu đúng, thu đủ và kịp thời vào ngân sách nhà nước, phấn đấu hoàn thành vượt dự toán thu ngân sách được giao.

*2.3.3. Chi cục Hải quan khu vực XVI chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường:* Đẩy mạnh cải cách hành chính, đơn giản hóa và minh bạch hóa thủ tục hải quan; ứng dụng công nghệ thông tin nhằm tạo thuận lợi cho người nộp thuế và hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa.

*2.3.4. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực 4 chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh:*

Thực hiện nghiêm các cơ chế, chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; đẩy mạnh cơ cấu lại các tổ chức tín dụng gắn với kiểm soát rủi ro, xử lý nợ xấu, nâng cao năng lực tài chính; phát triển hệ thống ngân hàng an toàn, lành mạnh, hiện đại và hiệu quả.

Tăng cường huy động và đa dạng hóa nguồn vốn; chủ động tháo gỡ khó khăn về cơ chế, chính sách, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp



tiếp cận tín dụng phục vụ sản xuất, kinh doanh.

Triển khai kịp thời các chính sách tiền tệ, lãi suất và tín dụng; điều chỉnh cơ cấu tín dụng theo hướng ưu tiên các lĩnh vực trọng điểm, có lợi thế của tỉnh; đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển ngân hàng điện tử, tín dụng xanh, tín dụng số, tín dụng vi mô; mở rộng thanh toán không dùng tiền mặt, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững.

*2.3.5. Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan:* Tăng cường triển khai các hình thức hợp tác công - tư, đẩy mạnh xã hội hóa trong lĩnh vực y tế, giáo dục; tập trung mở rộng quy mô, nâng cao năng lực mạng lưới cơ sở y tế, trường, lớp học; tăng cường quản lý nhà nước, kiểm soát chặt chẽ chất lượng, quy mô và giá dịch vụ của các cơ sở y tế, giáo dục ngoài công lập, bảo đảm công bằng, hiệu quả và quyền lợi của người dân.

### **3. Phát huy hiệu quả các nguồn lực mới, tạo đột phá cho phát triển**

#### **3.1. Nguồn lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**

*3.1.1. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường:*

Tổ chức triển khai đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả Kế hoạch số 24-KH/TU ngày 11/8/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị và Kế hoạch số 01-KH/BCHTW ngày 02/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về hành động chiến lược triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số nhằm sử dụng hiệu quả, tiết kiệm các nguồn lực, phòng, chống lãng phí, góp phần nuôi dưỡng và làm giàu các nguồn lực cho phát triển bền vững. Tiếp tục phát triển đồng bộ chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, công dân số và công nghiệp văn hóa số.

Đẩy mạnh đầu tư, phát triển hạ tầng công nghệ số hiện đại, dung lượng lớn, băng thông siêu rộng; phần đầu đưa tỉnh Tuyên Quang vào nhóm dẫn đầu khu vực Trung du và miền núi Bắc Bộ về hạ tầng số. Phát triển hạ tầng viễn thông, Internet bảo đảm an toàn, dự phòng, kết nối bền vững; triển khai hệ thống truyền dẫn dữ liệu vệ tinh, mạng cáp quang băng thông rộng tốc độ cao, mạng thông tin di động 5G, 6G (theo lộ trình của Trung ương), hướng tới phủ sóng 5G đến 100% thôn, bản, tổ dân phố, trước mắt ưu tiên khu trung tâm, khu/cụm công nghiệp, điểm du lịch và xử lý vùng lõm sóng, trắng sóng. Phát triển mạng truyền số liệu chuyên dùng của tỉnh; hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến; hạ tầng vật lý số, hạ tầng tiện ích số; tích hợp cảm biến và công nghệ số vào hạ tầng thiết yếu.

Hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu khoa học, công nghệ, bảo đảm cập nhật thường xuyên và kết nối hiệu quả với cơ sở dữ liệu quốc gia. Phần đầu đến năm



2030, 100% tài liệu của các ngành, lĩnh vực được số hóa; từng bước đưa toàn bộ hoạt động của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong hệ thống chính trị lên môi trường số, bảo đảm liên thông, đồng bộ.

Ứng dụng và phát triển mạnh các công nghệ số, công nghệ chiến lược như trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn, điện toán đám mây, chuỗi khối, công nghệ bán dẫn, công nghệ lượng tử, công nghệ nano; thúc đẩy hình thành và phát triển hệ sinh thái kinh tế số trên các lĩnh vực. Tăng cường hợp tác, trao đổi, học tập kinh nghiệm với các tỉnh, thành phố có trình độ chuyển đổi số phát triển.

Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phục vụ phát triển kinh tế-xã hội; ưu tiên các nhiệm vụ giải quyết vấn đề bức thiết của tỉnh, tập trung vào nông nghiệp (công nghệ sinh học, công nghệ sau thu hoạch), phát triển các sản phẩm chủ lực, đặc sản của tỉnh; công nghệ chế biến, chế tạo; quản lý tài nguyên, môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và một số lĩnh vực dịch vụ trọng điểm (y tế, giáo dục, logistic...). Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; tăng cường kết nối viện - trường - doanh nghiệp, kết nối cung - cầu công nghệ; hỗ trợ tiếp nhận chuyển giao, thử nghiệm công nghệ mới có kiểm soát rủi ro. Tham mưu lựa chọn “bài toán lớn” để đặt hàng, giao nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đề xuất cơ chế hỗ trợ, ưu đãi phù hợp (đất đai, tín dụng, thuế...); khuyến khích ưu tiên sử dụng sản phẩm đổi mới sáng tạo của tỉnh trong đầu tư công và hoạt động cơ quan nhà nước

Phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan thu hút ít nhất 05 tổ chức, doanh nghiệp công nghệ nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh tại tỉnh. Phấn đấu đến năm 2030, trên 80% người dân và doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến; trên 80% giao dịch thực hiện bằng phương thức không dùng tiền mặt.

Thu hút, quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; cơ cấu lại chi sự nghiệp khoa học và công nghệ theo hướng tập trung, trọng tâm, trọng điểm. Tiếp tục triển khai hiệu quả Đề án thu hút đầu tư; ban hành và công bố danh mục dự án trọng điểm trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và chuyển đổi số phù hợp với điều kiện phát triển của tỉnh.

### *3.1.2. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường:*

Tổ chức quản lý, khai thác hiệu quả hệ thống cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp và môi trường; đẩy mạnh kết nối, liên thông dữ liệu đất đai với cơ sở dữ liệu dân cư, thuế, kho bạc nhà nước nhằm rút ngắn thời gian, giảm chi phí thực



hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai cho người dân, doanh nghiệp.

Tham mưu, triển khai các giải pháp đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến trong sản xuất nông nghiệp; nghiên cứu, chọn tạo, phát triển các giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng và giá trị kinh tế cao, thích ứng với biến đổi khí hậu; góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ nông nghiệp của tỉnh.

Rà soát, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích đầu tư phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp xanh, nông nghiệp tuần hoàn, bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tiễn và định hướng phát triển của tỉnh.

Triển khai hiệu quả các chính sách ưu đãi, hỗ trợ nhằm khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa đầu tư cho chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, nghiên cứu, đổi mới và ứng dụng công nghệ; thúc đẩy chuyển giao, ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ cao vào sản xuất nông, lâm nghiệp; gắn phát triển sản xuất với xây dựng, phát triển thương hiệu, nâng cao giá trị gia tăng và hiệu quả kinh tế của sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh.

*3.1.3. Sở Công thương chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường:* Tổ chức thực hiện các chương trình khuyến khích, thúc đẩy doanh nghiệp và người dân kinh doanh trên nền tảng số, ứng dụng thương mại điện tử trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm có tiềm năng, lợi thế của tỉnh, thông qua các hoạt động xúc tiến thương mại, như: Hội chợ trên môi trường thực tế ảo, giao thương trực tuyến, gian hàng trên sàn thương mại điện tử,...

*3.1.4. Sở Ngoại vụ chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường:*

Đẩy mạnh công tác ngoại giao kinh tế; củng cố, làm sâu sắc quan hệ với các đối tác truyền thống, đồng thời mở rộng hợp tác với các đối tác tiềm năng.

Tăng cường hợp tác toàn diện giữa tỉnh Tuyên Quang với tỉnh Vân Nam và Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc), bảo đảm nguyên tắc hai bên cùng có lợi, phù hợp với chủ trương, đường lối đối ngoại và khuôn khổ quan hệ đối ngoại Việt Nam - Trung Quốc.

Duy trì, phát triển và làm sâu sắc các mối quan hệ đối ngoại cấp địa phương đã được thiết lập; đẩy mạnh xúc tiến hợp tác, mở rộng quan hệ với các địa phương nước ngoài, cơ quan đại diện ngoại giao, các tổ chức quốc tế và tổ chức phi chính phủ nước ngoài trong khuôn khổ song phương và đa phương, phù hợp với Nghị quyết số 57-NQ/TW và Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số



57-NQ/TW.

*3.1.5. Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường:* Hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị hoàn thành các nhiệm vụ đổi mới việc thực hiện, giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân, doanh nghiệp.

### **3.2. Nguồn lực văn hóa, lịch sử, truyền thống, cảnh quan thiên nhiên**

*3.2.1. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường:*

Huy động nguồn lực xây dựng và phát triển các đô thị theo quy hoạch; phát triển hạ tầng phục vụ phát triển văn hóa, du lịch, cảnh quan thiên nhiên; nhất là hạ tầng giao thông kết nối đến các điểm du lịch có tiềm năng, các không gian văn hóa đặc thù, đô thị di sản, gắn với bảo tồn giá trị văn hóa và phát triển du lịch như khu vực Công viên Địa chất toàn cầu UNESCO Cao nguyên đá Đồng Văn; Khu di tích quốc gia đặc biệt Tân Trào; Danh thắng quốc gia đặc biệt khu bảo tồn thiên nhiên Na Hang - Lâm Bình, Mã Pì Lèng, sông Nho Quế; Cột cờ Lũng Cú,....

Hướng dẫn xây dựng các trung tâm văn hóa, dịch vụ, du lịch tại các địa phương có tiềm năng.

Tích hợp phát triển hạ tầng văn hóa- du lịch trong quy hoạch đô thị, quy hoạch vùng và quy hoạch phát triển ngành xây dựng.

*3.2.2. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường:*

Tham mưu các giải pháp giữ gìn, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, lịch sử, truyền thống gắn với phát triển các ngành công nghiệp văn hóa. Đề xuất cơ chế, chính sách thúc đẩy hợp tác công - tư, khuyến khích xã hội hóa, huy động các nguồn lực cho phát triển văn hóa. Tổ chức triển khai hiệu quả “Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”; Đề án “Bảo tồn và phát huy các giá trị bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang gắn với phát triển du lịch giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035”. Ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế di sản, hình thành một số sản phẩm văn hóa chủ lực có tiềm năng, lợi thế; tăng cường công tác quản lý, bảo tồn, phục dựng, tôn tạo và khai thác hiệu quả các di tích lịch sử cách mạng, di sản văn hóa vật thể, phi vật thể; phát huy giá trị Công viên địa chất toàn cầu. Triển khai hiệu quả các dự án bảo tồn, tôn tạo Khu di tích Ban Thường trực Quốc hội (xã Trung Yên) và Khu di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Tân Trào; triển khai các bước lập Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi Danh lam thắng cảnh quốc gia, đặc biệt Khu bảo tồn thiên nhiên



Na Hang- Lâm Bình.

Thúc đẩy phát triển du lịch theo hướng bền vững, tạo chuyển biến rõ nét về chất lượng và hiệu quả dịch vụ. Tiếp tục triển khai hiệu quả Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn; các quy hoạch, chương trình, đề án phát triển du lịch của tỉnh, ngành đã được phê duyệt. Tập trung huy động nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng du lịch tại các khu, điểm trọng điểm; thu hút các nhà đầu tư chiến lược triển khai các dự án dịch vụ du lịch quy mô lớn, khu du lịch phức hợp, trung tâm mua sắm, vui chơi giải trí và các sản phẩm du lịch mới. Phấn đấu xây dựng Khu di tích quốc gia đặc biệt Tân Trào, Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn, danh thắng quốc gia đặc biệt Khu bảo tồn thiên nhiên Na Hang - Lâm Bình trở thành khu du lịch quốc gia. Triển khai hiệu quả các đề án phát triển du lịch sinh thái rừng đã được phê duyệt; gắn phát triển du lịch với bảo tồn hệ sinh thái, phát huy cảnh quan, xây dựng các trung tâm du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch khám phá - trải nghiệm có thương hiệu và sức cạnh tranh cao. Chú trọng đầu tư cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng hoạt động hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao; triển khai xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao đạt quy chuẩn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Bảo tồn và phát triển các lễ hội tiêu biểu trở thành sản phẩm du lịch đặc trưng, có sức lan tỏa ở tầm quốc gia, quốc tế; bảo tồn, phát huy giá trị các lễ hội truyền thống đặc sắc như: Lễ hội Nhảy lửa (người Pà Thẻn), Lễ hội Khèn Mông, Lễ cấp sắc (người Dao), Lễ hội Lồng Tồng (người Tày), Lễ hội Chợ phong lưu Khâu Vai (người Giáy), Lễ cúng tổ tiên (người Lô Lô), Lễ hội Đền Hạ - Đền Thượng - Đền Ý La,... gắn với phát triển du lịch văn hóa, du lịch cộng đồng, tạo bản sắc riêng có của tỉnh và vùng. Đẩy mạnh công tác xúc tiến, quảng bá du lịch; kết nối tua, tuyến và liên kết phát triển du lịch trong tỉnh, trong nước và quốc tế. Tăng cường ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong phát triển và khai thác sản phẩm du lịch (3D, VR, AR, hướng dẫn viên điện tử...); đẩy mạnh marketing du lịch trên các nền tảng số và sàn giao dịch điện tử. Phấn đấu đến năm 2030, tỉnh Tuyên Quang thu hút được 6 triệu lượt khách du lịch.

*3.2.3. Sở Ngoại vụ chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường:*

Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực văn hóa, du lịch; đẩy mạnh quảng bá hình ảnh tỉnh Tuyên Quang trong và ngoài nước, bảo đảm phù hợp với định hướng của Trung ương theo Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới.

Phối hợp xúc tiến, quảng bá và thu hút nguồn lực quốc tế phục vụ xây dựng,



phát triển thương hiệu du lịch Tuyên Quang theo hướng chuyên nghiệp, chất lượng, hiệu quả, xanh và bền vững; làm nổi bật bản sắc văn hóa truyền thống và con người Tuyên Quang; từng bước định vị hình ảnh tỉnh là điểm đến văn hóa tiêu biểu của khu vực, nâng cao mức độ nhận diện thị trường, gia tăng giá trị, thị phần và sức cạnh tranh của sản phẩm, dịch vụ du lịch trên thị trường trong nước và quốc tế.

*3.2.4. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường:*

Phối hợp tham gia quy hoạch, đầu tư phát triển hạ tầng giao thông, logistics, văn hóa - du lịch tại khu vực biên giới, vùng sâu, vùng xa, bảo đảm kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng, an ninh.

Tham gia bảo tồn, bảo vệ các di tích lịch sử, không gian văn hóa đặc thù; bảo đảm an ninh, an toàn cho các khu, điểm, trung tâm văn hóa, du lịch trọng điểm trên địa bàn tỉnh.

Tăng cường bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia; gắn nhiệm vụ quốc phòng với phát triển hệ thống giao thông, hạ tầng liên kết vùng và khu vực.

*3.2.5. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường:* Tham mưu cân đối, bố trí nguồn lực đầu tư công cho các chương trình, dự án phát triển văn hóa, du lịch, hạ tầng liên vùng có tính chất văn hóa - dịch vụ; huy động các nguồn lực xã hội, thu hút đầu tư tư nhân, FDI, hình thức đối tác công - tư (PPP) vào phát triển hạ tầng văn hóa, du lịch.

### **3.3. Nguồn lực thương hiệu và sản phẩm đặc trưng**

*3.3.1. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường:*

Tổ chức triển khai hiệu quả các chương trình ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng và xây dựng, phát triển thương hiệu cho các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc trưng của tỉnh. Thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển, khai thác và nâng cao giá trị thương hiệu đối với các sản phẩm đã được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người dân, doanh nghiệp về vai trò của sở hữu trí tuệ, bảo hộ và bảo vệ thương hiệu sản phẩm. Hỗ trợ triển khai hệ thống truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm OCOP và các sản phẩm hàng hóa chủ lực của tỉnh.

Hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã về thủ tục hành chính, pháp lý trong xây dựng, quản lý và bảo vệ thương hiệu. Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và chính sách về sở hữu trí tuệ; hỗ trợ xây dựng và phát triển



nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể, chỉ dẫn địa lý; tư vấn, hỗ trợ đăng ký quyền sở hữu trí tuệ, đăng ký mã vùng trồng, hệ thống truy xuất nguồn gốc cho các sản phẩm hàng hóa chủ lực. Duy trì, khai thác và phát triển hiệu quả các sản phẩm đã được bảo hộ chỉ dẫn địa lý; từng bước mở rộng, phát triển thương hiệu các sản phẩm chủ lực của tỉnh ra thị trường ngoài nước. Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã xử lý, giải quyết các tranh chấp liên quan đến thương hiệu và quyền sở hữu trí tuệ theo quy định pháp luật.

Phấn đấu đến năm 2030: trên 85% sản phẩm OCOP của tỉnh được đăng ký bảo hộ nhãn hiệu; có ít nhất 01 chỉ dẫn địa lý đối với sản phẩm nông, lâm nghiệp của tỉnh được bảo hộ tại thị trường nước ngoài.

### *3.3.2. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường:*

Tham mưu ban hành và tổ chức triển khai hiệu quả Kế hoạch Xúc tiến thương mại tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2026-2030; đẩy mạnh thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh quy mô công nghiệp phát triển ổn định, bền vững.

Tập trung xây dựng, hình thành và phát triển các mô hình doanh nghiệp, hợp tác xã; làm đầu mối thu gom, sơ chế, chế biến, tiêu thụ và xuất khẩu các sản phẩm nông sản chủ lực của tỉnh; đẩy mạnh kết nối cung - cầu, xúc tiến thương mại; từng bước đưa sản phẩm hàng hóa của tỉnh tham gia sâu vào chuỗi giá trị trong nước và quốc tế.

Phối hợp triển khai các hoạt động tư vấn, hỗ trợ thiết kế, cải tiến bao bì, xây dựng và phát triển nhãn hiệu sản phẩm gắn với hệ thống truy xuất nguồn gốc đối với các sản phẩm nông sản chủ lực của tỉnh.

Chủ động hướng dẫn, cung cấp thông tin về hội nhập kinh tế quốc tế trong lĩnh vực thương mại; kịp thời phổ biến các quy định, tiêu chuẩn, hàng rào kỹ thuật đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; triển khai các chương trình hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã đăng ký xây dựng, phát triển thương hiệu, mở rộng mạng lưới phân phối hàng hóa trên thị trường trong nước và xuất khẩu.

Tổ chức và tham gia các hoạt động kết nối giao thương, giới thiệu, quảng bá sản phẩm của tỉnh; khuyến khích doanh nghiệp quy mô lớn giữ vai trò dẫn dắt các mạng sản xuất, chuỗi giá trị trong tỉnh; đồng thời hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa nâng cao năng lực quản trị, sản xuất, thị trường để kết nối hiệu quả với doanh nghiệp lớn trong nước, doanh nghiệp FDI và thị trường quốc tế.

### *3.3.3. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường:*

Tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm theo Kết luận



số 219-KL/TW ngày 26/11/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Tập trung thực hiện mục tiêu cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển nông nghiệp đặc trưng theo hướng hàng hóa chất lượng cao gắn với chuỗi giá trị; nâng cao giá trị thu hoạch trên một đơn vị diện tích đất canh tác, gia tăng giá trị sản phẩm và thu nhập cho người dân.

Phát triển các vùng chuyên canh cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng cao, phù hợp với điều kiện tự nhiên và lợi thế của từng địa phương; hình thành các vùng liên kết sản xuất giữa các xã theo quy trình, tiêu chuẩn thống nhất.

Đẩy mạnh xây dựng thương hiệu, phát triển các sản phẩm nông nghiệp đặc trưng, có tiềm năng trở thành hàng hóa theo chuỗi giá trị gắn với phát triển du lịch, như: chuỗi cây ăn quả ôn đới, dược liệu, lúa đặc sản chất lượng cao, các sản phẩm từ cây tam giác mạch; duy trì, nâng cao chất lượng và giá trị các chuỗi sản phẩm đã hình thành, tiêu biểu như chè Shan tuyết, mật ong bạc hà.

Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân về Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP); rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ OCOP; kiện toàn bộ máy chỉ đạo, bố trí cán bộ có năng lực, trách nhiệm, tâm huyết để triển khai hiệu quả Chương trình từ tỉnh đến cơ sở.

#### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-CP, Kế hoạch số 58-KH/TU và các nhiệm vụ tại Kế hoạch này, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các xã, phường theo chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm:

- Cụ thể hóa trong kế hoạch, chương trình công tác hàng năm của ngành, địa phương, đơn vị mình và phân công lãnh đạo trực tiếp chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra đôn đốc thực hiện. Chủ động phối hợp với các cơ quan liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện, đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Phối hợp, tham gia xây dựng các chương trình, đề án, dự án do các cơ quan khác chủ trì nhưng có các nội dung liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của ngành, địa phương mình nhằm nâng cao chất lượng và tính khả thi của các chương trình, đề án, dự án.

- Tổ chức quán triệt, tuyên truyền sâu rộng các mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch đến cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân nhằm nâng cao nhận thức, hiểu rõ tầm quan trọng, tạo sự đồng thuận cao trong quá trình triển khai thực hiện.



- Tăng cường theo dõi, kiểm tra, đôn đốc tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch này; kịp thời tổng hợp các kiến nghị, khó khăn và vướng mắc thuộc ngành, lĩnh vực, địa bàn được giao quản lý hoặc chuyển tới cơ quan có thẩm quyền giải quyết; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- Định kỳ trước ngày 10/11 hằng năm, báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Tài chính tổng hợp chung) về kết quả thực hiện Kế hoạch này.

2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các sở, ban, ngành, địa phương trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; định kỳ trước ngày 15/11 hằng năm, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện và tham mưu việc sơ kết, tổng kết theo quy định; kịp thời tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết các vấn đề phát sinh, vướng mắc.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, trường hợp cần sửa đổi, bổ sung các nội dung cụ thể của Kế hoạch, các sở, ban, ngành, địa phương chủ động đề xuất, gửi Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức CT-XH cấp tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- Các cơ quan trung ương trên địa bàn tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- VPUB: LĐVP, CVNCTH;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH.

*Tr*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Phan Huy Ngọc**



## PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

Thực hiện Kế hoạch của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 15/01/2026 của Chính phủ; Kế hoạch số 58-KH/TU ngày 26/12/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 115-KL/TW về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế

(Kèm theo Kế hoạch số **61** /KH-UBND ngày **13** tháng **02** năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

| TT | TÊN NHIỆM VỤ, CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH, ĐỀ ÁN                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | CƠ QUAN CHỦ TRÌ                                                      | CƠ QUAN PHỐI HỢP                     | THỜI GIAN TRÌNH UBND TỈNH                             | THỜI GIAN BAN HÀNH                                    | THẨM QUYỀN BAN HÀNH  |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|----------------------|
| I. | Các nhiệm vụ, giải pháp chung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                      |                                      |                                                       |                                                       |                      |
| 1  | Kế hoạch thực hiện Nghị quyết Ban Chấp hành Đảng bộ UBND tỉnh về lãnh đạo đẩy mạnh CCHC, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính và nâng cao chất lượng, hiệu quả thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong Đảng bộ UBND tỉnh                                                                                                                  | Sở Nội vụ                                                            | Các sở, ngành và UBND các xã, phường | Tháng 01/2026                                         | Quý I/2026                                            | Ủy ban nhân dân tỉnh |
| 2  | Quyết định phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Sở Tài chính                                                         | Các sở, ngành và UBND các xã, phường | Tháng 02/2026                                         | Tháng 02/2026                                         | Chủ tịch UBND tỉnh   |
| 3  | Đề án đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền đồng bộ, triệt để, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong giai đoạn mới                                                                                                                                                                                                                                                                   | Sở Nội vụ, các sở ngành có liên quan đến lĩnh vực phân cấp, ủy quyền | Các sở, ngành và UBND các xã, phường | Sau khi có quy định, văn bản hướng dẫn của Trung ương | Sau khi có quy định, văn bản hướng dẫn của Trung ương | Ủy ban nhân dân tỉnh |
| 4  | Kế hoạch thực hiện Quyết định số 27/2025/QĐ-TTg ngày 04/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về xã, phường, đặc khu đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và Thông tư số 15/2025/TT-BTP ngày 11/9/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Hướng dẫn thi hành Quyết định số 27/2025/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, đặc khu đạt chuẩn tiếp cận pháp luật | Sở Tư pháp                                                           | UBND các xã, phường                  | Quý I/2026                                            | Quý I/2026                                            | Ủy ban nhân dân tỉnh |
| 5  | Quyết định phê duyệt Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, hợp tác xã giai đoạn 2026-2031                                                                                                                                                                                                                                                  | Sở Tư pháp                                                           | Các sở, ngành và UBND các xã, phường | Sau khi có quy định, văn bản hướng dẫn của Trung ương | Sau khi có quy định, văn bản hướng dẫn của Trung ương | Ủy ban nhân dân tỉnh |
| 6  | Các đề án sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (nếu có)                                                                                                                                                                                                                                                                           | Sở Nội vụ                                                            | Các sở, ngành và UBND các xã, phường | Theo chỉ đạo của tỉnh, của Trung ương                 | Theo chỉ đạo của tỉnh, của Trung ương                 | Ủy ban nhân dân tỉnh |
| 7  | Kế hoạch thực hiện Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về nâng cao chất lượng công tác cải cách hành chính gắn với đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đáp ứng yêu cầu đổi mới, giai đoạn 2025 - 2030                                                                                                         | Sở Nội vụ                                                            | Các sở, ngành và UBND các xã, phường | Tháng 01/2026                                         | Quý I/2026                                            | Ủy ban nhân dân tỉnh |
| 8  | Kế hoạch thực hiện Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 24-CT/TW ngày 13/7/2023 của Bộ Chính trị về bảo đảm vững chắc an ninh quốc gia trong bối cảnh hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng.                                                                                                                                                                       | Công an tỉnh                                                         | Các cơ quan, đơn vị có liên quan     | Quý I/2026                                            | Quý I/2026                                            | Ủy ban nhân dân tỉnh |



| TT                               | TÊN NHIỆM VỤ, CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH, ĐỀ ÁN                                                                                                                                                                                                                                                                | CƠ QUAN CHỦ TRÌ                   | CƠ QUAN PHỐI HỢP                                                | THỜI GIAN TRÌNH UBND TỈNH       | THỜI GIAN BAN HÀNH              | THẨM QUYỀN BAN HÀNH        |
|----------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|----------------------------|
| 9                                | Kế hoạch thực hiện Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 12-CT/TW ngày 05/01/2017 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm an ninh kinh tế trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế. | Công an tỉnh                      | Các cơ quan, đơn vị có liên quan                                | Quý I/2026                      | Quý I/2026                      | Ủy ban nhân dân tỉnh       |
| <b>II. Đối với nguồn vật lực</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                   |                                                                 |                                 |                                 |                            |
| 1                                | Nghị quyết về phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030                                                                                                                                                                                                                                 | Sở Tài chính                      | Các sở, ngành và UBND các xã, phường                            | Tháng 02/2026                   | Quý I/2026                      | Hội đồng nhân dân tỉnh     |
| 2                                | Nghị quyết về phân bổ kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước hằng năm                                                                                                                                                                                                                                      | Sở Tài chính                      | Các sở, ngành và UBND các xã, phường                            | Hằng năm                        | Hằng năm                        | Hội đồng nhân dân tỉnh     |
| 3                                | Nghị quyết về phân bổ kế hoạch vốn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia hằng năm                                                                                                                                                                                                | Sở Tài chính                      | Các sở, ngành chủ quản Chương trình MTQG và UBND các xã, phường | Hằng năm                        | Hằng năm                        | Hội đồng nhân dân tỉnh     |
| 4                                | Kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030                                                                                                                                                                                                                                  | Các sở chủ quản Chương trình MTQG | Các sở, ngành và UBND các xã, phường                            | Khi có hướng dẫn của Trung ương | Khi có hướng dẫn của Trung ương | Ủy ban nhân dân tỉnh       |
| 5                                | Kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia hằng năm                                                                                                                                                                                                                                             | Các sở chủ quản Chương trình MTQG | Các sở, ngành và UBND các xã, phường                            | Hằng năm                        | Hằng năm                        | Ủy ban nhân dân tỉnh       |
| 6                                | Nghị quyết về tiếp tục đột phá xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, trọng tâm là hạ tầng giao thông, hạ tầng công nghệ, hạ tầng đô thị, hạ tầng khu, cụm công nghiệp giai đoạn 2025-2030                                                                                                             | Sở Xây dựng                       | Các cơ quan đơn vị có liên quan                                 | Tháng 02/2026                   | Quý I/2026                      | Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh |
| 7                                | Văn bản của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045                                                                                          | Sở Xây dựng                       | Các cơ quan đơn vị có liên quan                                 | Quý II/2026                     | Quý II/2026                     | Ban Thường vụ Tỉnh ủy      |
| 8                                | Chương trình phát triển đô thị tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2026-2030                                                                                                                                                                                                                                        | Sở Xây dựng                       | Các sở, ngành và UBND các xã, phường                            | Tháng 12/2026                   | Quý IV/2026                     | Ủy ban nhân dân tỉnh       |
| 9                                | Nghị quyết về phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2025-2030                                                                                                                                                                                                                    | Sở Công Thương                    | Các cơ quan đơn vị có liên quan                                 | Tháng 01/2026                   | Quý I/2026                      | Ban Thường vụ Tỉnh ủy      |
| 10                               | Nghị quyết về thu hút đầu tư                                                                                                                                                                                                                                                                               | Sở Tài chính                      | Các sở, ngành và UBND các xã, phường                            | Quý I/2026                      | Quý I/2026                      | Ban Thường vụ Tỉnh ủy      |
| 11                               | Kế hoạch triển khai Nghị quyết về thu hút đầu tư giai đoạn 2026-2030                                                                                                                                                                                                                                       | Sở Tài chính                      | Các sở, ngành và UBND các xã, phường                            | Quý II/2026                     | Quý II/2026                     | Ủy ban nhân dân tỉnh       |



| TT                                 | TÊN NHIỆM VỤ, CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH, ĐỀ ÁN                                                                                                                                                                                    | CƠ QUAN CHỦ TRÌ                 | CƠ QUAN PHỐI HỢP                     | THỜI GIAN TRÌNH UBND TỈNH | THỜI GIAN BAN HÀNH | THẨM QUYỀN BAN HÀNH   |
|------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------------------|---------------------------|--------------------|-----------------------|
| 12                                 | Điều chỉnh Phương án phát triển các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh trong đó tập trung phát triển một số khu, cụm công nghiệp chuyên sâu, công nghệ cao gắn với chế biến nông lâm sản và dược liệu, giai đoạn 2026-2030 | Sở Công thương                  | Các sở, ngành và UBND các xã, phường | Tháng 01/2026             | Quý I/2026         | Ủy ban nhân dân tỉnh  |
| 13                                 | Kế hoạch về thúc đẩy phát triển kinh tế cửa khẩu và thương mại biên giới trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2026-2030                                                                                                     | Sở Công thương                  | Các sở, ngành và UBND các xã, phường | Tháng 01/2026             | Quý I/2026         | Ủy ban nhân dân tỉnh  |
| 14                                 | Đề án về hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Tuyên Quang                                                                                                                                                                     | Sở Nông nghiệp và Môi trường    | Các sở, ngành và UBND các xã, phường | Tháng 01/2026             | Quý I/2026         | Ủy ban nhân dân tỉnh  |
| 15                                 | Nghị quyết về phát triển lâm nghiệp bền vững, gắn với đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2026-2030                                                                                                            | Sở Nông nghiệp và Môi trường    | Các sở, ngành và UBND các xã, phường | Tháng 4/2026              | Quý II/2026        | Ban Thường vụ Tỉnh ủy |
| 16                                 | Điều chỉnh Đề án xây dựng Tuyên Quang trở thành khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao, trung tâm sản xuất và chế biến gỗ                                                                                                       | Sở Nông nghiệp và Môi trường    | Các sở, ngành và UBND các xã, phường | Tháng 4/2026              | Quý II/2026        | Ủy ban nhân dân tỉnh  |
| 17                                 | Đề án về phát triển lâm nghiệp bền vững, gắn với đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2026-2030                                                                                                                 | Sở Nông nghiệp và Môi trường    | Các sở, ngành và UBND các xã, phường | Tháng 05/2026             | Quý II/2026        | Ủy ban nhân dân tỉnh  |
| 18                                 | Kế hoạch thực hiện đảm bảo an ninh lương thực có hạt đến năm 2030                                                                                                                                                              | Sở Nông nghiệp và Môi trường    | Các sở, ngành và UBND các xã, phường | Tháng 6/2026              | Quý II/2026        | Ban Thường vụ Tỉnh ủy |
| 19                                 | Chương trình xúc tiến đầu tư hằng năm                                                                                                                                                                                          | Sở Tài chính                    | Các sở, ngành và UBND các xã, phường | Quý I hằng năm            | Quý I hằng năm     | Ủy ban nhân dân tỉnh  |
| 20                                 | Kế hoạch phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2026-2030                                                                                                                                             | Sở Tài chính                    | Các sở, ngành và UBND các xã, phường | Tháng 6/2026              | Quý II/2026        | Ủy ban nhân dân tỉnh  |
| 21                                 | Kế hoạch phòng chống thiên tai 05 năm giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang                                                                                                                                        | Sở Nông nghiệp và Môi trường    | Các sở, ngành và UBND các xã, phường | Trong tháng 11/2026       | Quý IV/2026        | Ủy ban nhân dân tỉnh  |
| 22                                 | Kế hoạch quản lý môi trường không khí trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2026 - 2030                                                                                                                                      | Sở Nông nghiệp và Môi trường    | Các sở, ngành và UBND các xã, phường | Tháng 11/2026             | Quý IV/2026        | Ủy ban nhân dân tỉnh  |
| 23                                 | Chỉ thị về việc đẩy mạnh xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Tuyên Quang                                                                                                                                   | Sở Khoa học và Công nghệ        | Các sở, ngành và UBND các xã, phường | Tháng 2/2026              | Quý I/2026         | Ban Thường vụ Tỉnh ủy |
| <b>III. Đối với nguồn nhân lực</b> |                                                                                                                                                                                                                                |                                 |                                      |                           |                    |                       |
| 1                                  | Nghị quyết về xây dựng và phát triển con người Tuyên Quang phát triển toàn diện về đạo đức, nhân cách, trí tuệ, thể lực, thẩm mỹ, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, giai đoạn 2026-2030                                     | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Các sở, ngành và UBND các xã, phường | Tháng 01/2026             | Quý I/2026         | Ban Thường vụ Tỉnh ủy |



| TT | TÊN NHIỆM VỤ, CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH, ĐỀ ÁN                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | CƠ QUAN CHỦ TRÌ        | CƠ QUAN PHỐI HỢP                     | THỜI GIAN TRÌNH UBND TỈNH | THỜI GIAN BAN HÀNH | THẨM QUYỀN BAN HÀNH    |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|--------------------------------------|---------------------------|--------------------|------------------------|
| 2  | Nghị quyết về thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang                                                                                                                                                                                                                                           | Sở Giáo dục và Đào tạo | Các sở, ngành và UBND các xã, phường | Tháng 01/2026             | Quý I/2026         | Ban Thường vụ Tỉnh ủy  |
| 3  | Đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang                                                                                                                                                                                                                                                             | Sở Giáo dục và Đào tạo | Các sở, ngành và UBND các xã, phường | Tháng 01/2026             | Tháng 01/2026      | Ủy ban nhân dân tỉnh   |
| 4  | Nghị quyết ban hành chính sách hỗ trợ đối với học sinh đang học bán trú, học sinh thuộc hộ nghèo không thuộc đối tượng hỗ trợ theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP của Chính phủ; người làm công tác quản lý, người phục vụ nấu ăn cho học sinh bán trú hưởng chính sách theo Nghị quyết tại các trường phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang | Sở Giáo dục và Đào tạo | Các sở, ngành và UBND các xã, phường | Quý I/2026                | Quý I/2026         | Hội đồng nhân dân tỉnh |
| 5  | Nghị quyết quy định một số chính sách phát triển giáo dục mầm non ngoài công lập trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang                                                                                                                                                                                                                                      | Sở Giáo dục và Đào tạo | Các sở, ngành và UBND các xã, phường | Quý II/2026               | Quý III/2026       | Hội đồng nhân dân tỉnh |
| 6  | Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em nhà trẻ và mức hỗ trợ đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại các khu công nghiệp; mức hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang                       | Sở Giáo dục và Đào tạo | Các sở, ngành và UBND các xã, phường | Quý II/2026               | Quý III/2026       | Hội đồng nhân dân tỉnh |
| 7  | Kế hoạch của UBND tỉnh thực hiện Chương trình hành động số 11-CTr/TU ngày 18/11/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo                                                                                                                      | Sở Giáo dục và Đào tạo | Các sở, ngành và UBND các xã, phường | Tháng 01/2026             | Quý I/2026         | Ủy ban nhân dân tỉnh   |
| 8  | Quyết định ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật cấp địa phương đối với các dịch vụ giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang                                                                                                                                                                      | Sở Giáo dục và Đào tạo | Các sở, ngành và UBND các xã, phường | Tháng 01/2026             | Quý I/2026         | Ủy ban nhân dân tỉnh   |
| 9  | Chương trình thực hiện Chỉ thị số 21-CT/TW, ngày 04/5/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.                                                                                                                                                          | Sở Giáo dục và Đào tạo | Các sở, ngành và UBND các xã, phường | Tháng 01/2026             | Quý I/2026         | Ban Thường vụ Tỉnh ủy  |
| 10 | Chương trình thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW, ngày 10/7/2024 của Ban Bí thư về đổi mới công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn.                                                                                                                                             | Sở Giáo dục và Đào tạo | Các sở, ngành và UBND các xã, phường | Tháng 01/2026             | Quý I/2026         | Ban Thường vụ Tỉnh ủy  |
| 11 | Kế hoạch về triển khai công tác xây dựng xã hội học tập năm 2026                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Sở Giáo dục và Đào tạo | Các sở, ngành và UBND các xã, phường | Tháng 3/2026              | Quý I/2026         | Ủy ban nhân dân tỉnh   |



| TT | TÊN NHIỆM VỤ, CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH, ĐỀ ÁN                                                                                                                                                                       | CƠ QUAN CHỦ TRÌ          | CƠ QUAN PHỐI HỢP                     | THỜI GIAN TRÌNH UBND TỈNH   | THỜI GIAN BAN HÀNH          | THẨM QUYỀN BAN HÀNH    |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|------------------------|
| 12 | Kế hoạch về triển khai thực hiện công tác Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2026                                                                                                                                   | Sở Giáo dục và Đào tạo   | Các sở, ngành và UBND các xã, phường | Tháng 3/2026                | Quý I/2026                  | Ủy ban nhân dân tỉnh   |
| 13 | Kế hoạch triển khai giáo dục nghề nghiệp năm 2026                                                                                                                                                                 | Sở Giáo dục và Đào tạo   | Các sở, ngành và UBND các xã, phường | Tháng 3/2026                | Quý I/2026                  | Ủy ban nhân dân tỉnh   |
| 14 | Đề án phát triển giáo dục và đào tạo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang                                                                                                            | Sở Giáo dục và Đào tạo   | Các sở, ngành và UBND các xã, phường | Quý I/2026                  | Quý I/2026                  | Ủy ban nhân dân tỉnh   |
| 15 | Nghị quyết quy định Chế độ khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân đạt thành tích trong các kỳ thi quốc tế, khu vực quốc tế, quốc gia và kỳ thi cấp tỉnh trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang                           | Sở Giáo dục và Đào tạo   | Các sở, ngành và UBND các xã, phường | Quý I/2026                  | Quý I/2026                  | Hội đồng nhân dân tỉnh |
| 16 | Kế hoạch thực hiện Đề án “Đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học giai đoạn 2025-2035, tầm nhìn đến năm 2045”                                                                                   | Sở Giáo dục và Đào tạo   | Các sở, ngành và UBND các xã, phường | Quý I/2026                  | Quý I/2026                  | Ủy ban nhân dân tỉnh   |
| 17 | Kế hoạch triển khai thực hiện hiệu quả các chính sách hỗ trợ tạo việc làm và đẩy mạnh công tác đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng giai đoạn 2026-2030                                            | Sở Nội vụ                | Các sở, ngành và UBND các xã, phường | Tháng 01/2026               | Quý I/2026                  | Ủy ban nhân dân tỉnh   |
| 18 | Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 9/9/2025 của Bộ Chính trị “Về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân” | Sở Y tế                  | Các sở, ngành và UBND các xã, phường | Tháng 01/2026               | Tháng 2/2026                | Ủy ban nhân dân tỉnh   |
| 19 | Đề án nâng cao chất lượng bảo vệ, chăm sóc sức khỏe Nhân dân, phát triển y tế kỹ thuật cao, chuyên sâu, tăng cường y tế dự phòng, giai đoạn 2025-2030                                                             | Sở Y tế                  | Các sở, ngành và UBND các xã, phường | Theo chỉ đạo của Trung ương | Theo chỉ đạo của Trung ương | Ủy ban nhân dân tỉnh   |
| 20 | Kế hoạch thực hiện khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí cho người dân ít nhất mỗi năm 1 lần theo nhóm đối tượng và lộ trình ưu tiên, làm cơ sở tạo lập Sổ sức khỏe điện tử cho toàn bộ người dân.        | Sở Y tế                  | Các cơ quan, đơn vị có liên quan     | Tháng 3/2026                | Tháng 4/2026                | Ủy ban nhân dân tỉnh   |
| 21 | Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 28-CT/TW ngày 25/12/2023 của Bộ Chính trị về tăng cường công tác chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc            | Sở Y tế                  | Các cơ quan, đơn vị có liên quan     | Tháng 3/2026                | Tháng 4/2026                | Ủy ban nhân dân tỉnh   |
| 22 | Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ chất lượng cao, gắn kết đào tạo với nghiên cứu và nhu cầu của doanh nghiệp                                                                               | Sở Khoa học và Công nghệ | Các sở, ngành và UBND các xã, phường | Tháng 4/2026                | Quý II/2026                 | Ban Thường vụ Tỉnh ủy  |



| TT                                                                          | TÊN NHIỆM VỤ, CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH, ĐỀ ÁN                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | CƠ QUAN CHỦ TRÌ                   | CƠ QUAN PHỐI HỢP                                                | THỜI GIAN TRÌNH UBND TỈNH | THỜI GIAN BAN HÀNH | THẨM QUYỀN BAN HÀNH    |
|-----------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------------------------------------|---------------------------|--------------------|------------------------|
| 23                                                                          | Nghị quyết đặc thù quy định chính sách hỗ trợ thực hiện việc dạy và học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một; hỗ trợ giáo viên dạy ôn tập cho học sinh cuối cấp; các nhóm nhân lực có chuyên môn cao, nghệ nhân, nghệ sĩ, vận động viên chuyên nghiệp tham gia tổ chức các hoạt động giáo dục trong các nhà trường, nhất là về văn hóa, nghệ thuật, thể thao, kỹ năng sống | Sở Giáo dục và Đào tạo            | Các sở, ngành và UBND các xã, phường                            | Tháng 3/2026              | Quý I/2026         | Hội đồng nhân dân tỉnh |
| 24                                                                          | Kế hoạch triển khai thực hiện Chiến lược công tác dân tộc giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang                                                                                                                                                                                                                                                                          | Sở Dân tộc và Tôn giáo            | Các sở, ngành và UBND các xã, phường                            | Năm 2026                  | Năm 2026           | Ủy ban nhân dân tỉnh   |
| 25                                                                          | Chương trình của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 12-KL/TW ngày 12/8/2021 của Bộ Chính trị về công tác người Việt Nam ở nước ngoài trong tình hình mới                                                                                                                                                                                                                                           | Sở Ngoại vụ                       | Các sở, ngành và UBND các xã, phường                            | Tháng 3/2026              | Tháng 4/2026       | Ban Thường vụ Tỉnh ủy  |
| <b>IV. Đối với nguồn tài lực</b>                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                   |                                                                 |                           |                    |                        |
| 1                                                                           | Nghị quyết về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách địa phương tỉnh Tuyên Quang hằng năm                                                                                                                                                                                                                                                | Sở Tài chính                      | Các sở, ngành và UBND các xã, phường                            | Hằng năm                  | Hằng năm           | Hội đồng nhân dân tỉnh |
| 2                                                                           | Nghị quyết về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030                                                                                                                                                                                                                                                                | Các sở chủ quản Chương trình MTQG | Các sở, ngành và UBND các xã, phường                            | Năm 2026                  | Năm 2026           | Hội đồng nhân dân tỉnh |
| 3                                                                           | Nghị quyết về phân bổ kế hoạch vốn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Sở Tài chính                      | Các sở, ngành chủ quản Chương trình MTQG và UBND các xã, phường | Năm 2026                  | Năm 2026           | Hội đồng nhân dân tỉnh |
| <b>V. Phát huy hiệu quả các nguồn lực mới, tạo đột phá cho phát triển</b>   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                   |                                                                 |                           |                    |                        |
| <b>V.1 Nguồn lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                   |                                                                 |                           |                    |                        |
| 1                                                                           | Chương trình hành động về đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data) trong quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội và xã hội số, giai đoạn 2026-2030                                                                                                                                                                                                                             | Sở Khoa học và Công nghệ          | Các sở, ngành và UBND các xã, phường                            | Tháng 1/2026              | Quý I/2026         | Ủy ban nhân dân tỉnh   |
| 2                                                                           | Kế hoạch sửa đổi, bổ sung, cập nhật một số nội dung tại Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 10/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số                                                                                                                             | Sở Khoa học và Công nghệ          | Các sở, ngành và UBND các xã, phường                            | Tháng 2/2026              | Quý I/2026         | Ủy ban nhân dân tỉnh   |
| 3                                                                           | Đề án phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ cao trong các ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh giai đoạn 2026-2030                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Sở Khoa học và Công nghệ          | Các sở, ngành và UBND các xã, phường                            | Tháng 4/2026              | Quý II/2026        | Ủy ban nhân dân tỉnh   |



| TT | TÊN NHIỆM VỤ, CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH, ĐỀ ÁN                                                                                                                                                                            | CƠ QUAN CHỦ TRÌ              | CƠ QUAN PHỐI HỢP                     | THỜI GIAN TRÌNH UBND TỈNH | THỜI GIAN BAN HÀNH | THẨM QUYỀN BAN HÀNH   |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|--------------------------------------|---------------------------|--------------------|-----------------------|
| 4  | Đề án chuyển đổi số ngành nông nghiệp giai đoạn 2026-2030 và định hướng đến 2045                                                                                                                                       | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Các sở, ngành và UBND các xã, phường | Tháng 11/2026             | Quý IV/2026        | Ủy ban nhân dân tỉnh  |
| 5  | Kế hoạch triển khai Đề án "Chuyển đổi số trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật giai đoạn 2025 - 2030" trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang                                                                              | Sở Tư pháp                   | Các sở, ngành và UBND các xã, phường | Tháng 3/2026              | Quý I/2026         | Ủy ban nhân dân tỉnh  |
| 6  | Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển dịch vụ logistics trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2045                                                                                      | Sở Công thương               | Các sở, ngành và UBND các xã, phường | Tháng 01/2026             | Quý I/2026         | Ủy ban nhân dân tỉnh  |
| 7  | Đề án về phát triển nông nghiệp bền vững gắn với kinh tế nông nghiệp xanh, nông nghiệp số và mục tiêu xây dựng nông thôn, nông dân giàu có                                                                             | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Các sở, ngành và UBND các xã, phường | Tháng 01/2026             | Quý I/2026         | Ủy ban nhân dân tỉnh  |
| 8  | Nghị quyết về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2026-2030                                                                                    | Sở Ngoại vụ                  | Các sở, ngành và UBND các xã, phường | Tháng 01/2026             | Quý I/2026         | Ban Thường vụ Tỉnh ủy |
| 9  | Đề án về tăng cường hợp tác toàn diện giữa tỉnh Tuyên Quang với tỉnh Vân Nam và khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây, Trung Quốc giai đoạn 2026-2030                                                                    | Sở Ngoại vụ                  | Các sở, ngành và UBND các xã, phường | Tháng 01/2026             | Quý I/2026         | Ủy ban nhân dân tỉnh  |
| 10 | Chương trình về nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế giai đoạn 2026-2030                                                                                                                             | Sở Ngoại vụ                  | Các sở, ngành và UBND các xã, phường | Tháng 01/2026             | Quý I/2026         | Ủy ban nhân dân tỉnh  |
| 11 | Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TW ngày 10/8/2022 của Ban Bí thư về công tác ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển đất nước đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang                                  | Sở Ngoại vụ                  | Các sở, ngành và UBND các xã, phường | Tháng 3/2026              | Quý I/2026         | Ủy ban nhân dân tỉnh  |
| 12 | Kế hoạch hành động thực hiện Kết luận số 125-KL/TW, ngày 14/02/2025 của Ban Bí thư về tăng cường thực hiện Chỉ thị số 25-CT/TW, ngày 08/8/2018 của Ban Bí thư về đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương đến năm 2030 | Sở Ngoại vụ                  | Các sở, ngành và UBND các xã, phường | Tháng 3/2026              | Quý I/2026         | Ủy ban nhân dân tỉnh  |
| 13 | Quyết định ban hành kế hoạch thực hiện Đề án đảm bảo an toàn thực phẩm nâng cao chất lượng nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2026 - 2030                                                       | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Các sở, ngành và UBND các xã, phường | Tháng 4/2026              | Quý II/2026        | Ủy ban nhân dân tỉnh  |
| 14 | Kế hoạch triển khai Chỉ thị số 32-CT/TW về tăng cường và nâng cao hiệu quả quan hệ đối ngoại đảng trong tình hình mới và Đề án tăng cường nâng cao quan hệ đối ngoại đảng cho giai đoạn 2026-2030 và tầm nhìn đến 2040 | Sở Ngoại vụ                  | Các sở, ngành và UBND các xã, phường | Tháng 4/2026              | Quý II/2026        | Ủy ban nhân dân tỉnh  |



| TT                                                                         | TÊN NHIỆM VỤ, CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH, ĐỀ ÁN                                                                                                                                                  | CƠ QUAN CHỦ TRÌ                 | CƠ QUAN PHỐI HỢP                     | THỜI GIAN TRÌNH UBND TỈNH | THỜI GIAN BAN HÀNH | THẨM QUYỀN BAN HÀNH   |
|----------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------------------|---------------------------|--------------------|-----------------------|
| 15                                                                         | Kế hoạch tăng cường hợp tác toàn diện giữa tỉnh Tuyên Quang với tỉnh Vân Nam và Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây, Trung Quốc, giai đoạn 2025 - 2030                                       | Sở Ngoại vụ                     | Các sở, ngành và UBND các xã, phường | Tháng 4/2026              | Quý II/2026        | Ủy ban nhân dân tỉnh  |
| 16                                                                         | Kế hoạch triển khai Chiến lược ngoại giao văn hoá đến năm 2030 gắn với định hướng phát triển ngoại giao số đến năm 2030                                                                      | Sở Ngoại vụ                     | Các sở, ngành và UBND các xã, phường | Tháng 5/2026              | Quý II/2026        | Ủy ban nhân dân tỉnh  |
| 17                                                                         | Chương trình tăng cường quan hệ hợp tác với các đối tác, nhà tài trợ nước ngoài, xúc tiến, vận động nguồn viện trợ không hoàn lại nước ngoài trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2030           | Sở Ngoại vụ                     | Các sở, ngành và UBND các xã, phường | Tháng 5/2026              | Quý I/2026         | Ủy ban nhân dân tỉnh  |
| 18                                                                         | Đề án ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2026-2030                                                                                                | Sở Nông nghiệp và Môi trường    | Các sở, ngành và UBND các xã, phường | Tháng 6/2026              | Quý II/2026        | Ủy ban nhân dân tỉnh  |
| 19                                                                         | Quyết định phê duyệt vùng quy hoạch trồng lúa có năng suất, chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2026-2030                                                                | Sở Nông nghiệp và Môi trường    | Các sở, ngành và UBND các xã, phường | Tháng 6/2026              | Quý II/2026        | Ủy ban nhân dân tỉnh  |
| 20                                                                         | Đề án phát triển vận tải hành khách công cộng giai đoạn 2025 - 2030, ưu tiên phương tiện sử dụng năng lượng sạch                                                                             | Sở Xây dựng                     | Các sở, ngành và UBND các xã, phường | Tháng 7/2026              | Quý II/2026        | Ủy ban nhân dân tỉnh  |
| <b>V.2 Nguồn lực văn hóa, lịch sử, truyền thống, cảnh quan thiên nhiên</b> |                                                                                                                                                                                              |                                 |                                      |                           |                    |                       |
| 1                                                                          | Nghị quyết về phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn                                                                                                                                | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Các sở, ngành và UBND các xã, phường | Quý I/2026                | Quý I/2026         | Ban Thường vụ Tỉnh ủy |
| 2                                                                          | Đề án phát triển du lịch tỉnh Tuyên Quang đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2045                                                                                                                | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Các sở, ngành và UBND các xã, phường | Tháng 01/2026             | Quý I/2026         | Ủy ban nhân dân tỉnh  |
| 3                                                                          | Đề án bảo tồn và phát huy giá trị bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang gắn với phát triển du lịch giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2035 | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Các sở, ngành và UBND các xã, phường | Tháng 01/2026             | Quý I/2026         | Ủy ban nhân dân tỉnh  |
| 4                                                                          | Kế hoạch phát triển công nghiệp văn hóa trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2026-2035                                                                                                    | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Các sở, ngành và UBND các xã, phường | Tháng 01/2026             | Quý I/2026         | Ủy ban nhân dân tỉnh  |
| 5                                                                          | Kế hoạch phát triển du lịch tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2025 -2030                                                                                                                            | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Các sở, ngành và UBND các xã, phường | Tháng 3/2026              | Quý I/2026         | Ủy ban nhân dân tỉnh  |
| 6                                                                          | Đề án bảo đảm an ninh, trật tự lĩnh vực du lịch trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2025-2030                                                                                           | Công an tỉnh                    | Các sở, ngành và UBND các xã, phường | Tháng 01/2026             | Quý I/2026         | Ủy ban nhân dân tỉnh  |
| <b>V.3 Nguồn lực thương hiệu và sản phẩm đặc trưng</b>                     |                                                                                                                                                                                              |                                 |                                      |                           |                    |                       |



| TT | TÊN NHIỆM VỤ, CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH, ĐỀ ÁN                                                                                                                                                                                                     | CƠ QUAN CHỦ TRÌ              | CƠ QUAN PHỐI HỢP                     | THỜI GIAN TRÌNH UBND TỈNH | THỜI GIAN BAN HÀNH | THẨM QUYỀN BAN HÀNH    |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|--------------------------------------|---------------------------|--------------------|------------------------|
| 1  | Kế hoạch thực hiện Kế hoạch số 24-KH/TU, ngày 03/11/2025 của Tỉnh ủy Tuyên Quang thực hiện Chỉ thị số 17-CT/TW, ngày 21/10/2022 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XIII) về tăng cường bảo đảm an ninh, an toàn thực phẩm trong tình hình mới | Sở Y tế                      | Các cơ quan, đơn vị có liên quan     | Tháng 01/2026             | Tháng 2/2026       | Ủy ban nhân dân tỉnh   |
| 2  | Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế                                                                                                                                            | Sở Khoa học và Công nghệ     | Các sở, ngành và UBND các xã, phường | Tháng 4/2026              | Quý II/2026        | Ủy ban nhân dân tỉnh   |
| 3  | Chương trình hành động thực hiện Kết luận của Bộ Chính trị về Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của BCH Trung ương về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045                                                 | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Các sở, ngành và UBND các xã, phường | Tháng 4/2026              | Quý II/2026        | Ban Thường vụ Tỉnh ủy  |
| 4  | Nghị quyết về chính sách hỗ trợ phát triển, mở rộng các vùng chuyên canh trồng trọt theo chuỗi giá trị hàng hóa chất lượng cao                                                                                                                  | Sở Nông nghiệp và Môi trường | Các sở, ngành và UBND các xã, phường | Tháng 10/2027             | Quý IV/2027        | Hội đồng nhân dân tỉnh |
| 5  | Nghị quyết Quy định nội dung và mức chi sử dụng ngân sách nhà nước cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang                                                                                          | Sở Khoa học và Công nghệ     | Các sở, ngành và UBND các xã, phường | Tháng 8/2026              | Quý III/2026       | Hội đồng nhân dân tỉnh |
| 6  | Nghị quyết hỗ trợ đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang                                                                                                                                                                   | Sở Khoa học và Công nghệ     | Các sở, ngành và UBND các xã, phường | Tháng 5/2026              | Quý II/2026        | Hội đồng nhân dân tỉnh |
| 7  | Nghị quyết Quy định mức chi thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2026 - 2030 tại tỉnh Tuyên Quang                                                                  | Sở Khoa học và Công nghệ     | Các sở, ngành và UBND các xã, phường | Tháng 3/2026              | Quý I/2026         | Hội đồng nhân dân tỉnh |